

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ: GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG VIỆC HẤP THỤ CÔNG NGHỆ TỪ FDI

Nguyễn Quang Hồng*

Hiện nay, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nước ta đang tăng lên nhanh chóng đã mang theo công nghệ (CN) và kỹ năng quản lý hiện đại vào sản xuất kinh doanh của cả các doanh nghiệp (DN) trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo đánh giá của UNDP, yếu tố này mới chính là đóng góp lớn nhất của FDI đối với các quốc gia đang phát triển bởi CN và kỹ năng quản lý hiện đại không chỉ nằm lại trong các DN FDI mà còn lan tỏa sang các DN nội địa thông qua chuyển giao công nghệ, thông qua hợp tác giữa các hiệp hội ngành nghề, quá trình di chuyển lao động giữa 2 khu vực, quá trình cạnh tranh và học hỏi và đặc biệt là thông qua quá trình liên kết sản xuất sản xuất phụ trợ.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy mối quan hệ liên kết giữa các DN có vốn đầu tư nước ngoài và các DN nội địa thông qua các hợp đồng sản xuất phụ trợ trong nền kinh tế Việt Nam hiện còn rất lỏng lẻo. Hầu hết các DN FDI sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu và cũng đa phần trong số đó xuất khẩu sản phẩm của mình qua kênh phân phối của công ty mẹ. Sự tham gia của các DN có vốn đầu tư nước ngoài trong các hiệp hội nghề nghiệp của Việt Nam còn rất hạn chế, điều này làm giảm khả năng tiếp cận, hợp tác giữa các DN này với các DN nội địa. Tác động lan tỏa CN từ các DN có vốn đầu tư nước ngoài với các DN Việt Nam chưa được như mong đợi. Về phần mình, các DN trong nước còn phải vượt qua nhiều thách thức để

nắm bắt được cơ hội tận dụng có vốn đầu tư nước ngoài và vươn lên nắm bắt CN sản xuất, CN quản lý hiện đại từ các DN có vốn đầu tư nước ngoài thông qua các hợp đồng liên kết sản xuất phụ trợ làm nền tảng cho phát triển công nghiệp nước nhà.

Tác động lan tỏa công nghệ lớn nhất và quan trọng nhất là vai trò của có vốn đầu tư nước ngoài đối với DN nội địa và nền kinh tế thông qua chuyển giao CN cho các DN sản xuất linh kiện, phụ kiện của ngành công nghiệp phụ trợ. Bản thân các CN sản xuất được DN nước ngoài đưa vào và kinh nghiệm chuyên gia do các nhà đầu tư nước ngoài mang theo đòi hỏi phải có lực lượng lao động phù hợp. Điều này sẽ thúc đẩy việc nâng cao trình độ mọi mặt của lực lượng lao động trong nước. Các DN có vốn đầu tư nước ngoài thường có nhiều liên kết với các nhà cung ứng trong nước. Mỗi liên kết này thông thường được thể hiện ở hai quan hệ: DN địa phương cung cấp nguồn linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu cho các DN có vốn đầu tư nước ngoài, tức là đóng vai trò “công nghiệp phụ trợ”; còn các DN có vốn đầu tư nước ngoài đặt hàng DN nội địa sản xuất linh kiện và bán sản phẩm từ đó chuyển giao CN cho doanh nghiệp nội địa.

Qua thực tế có thể thấy rõ rằng lan tỏa và hấp thụ CN qua có vốn đầu tư nước ngoài không chỉ mang lại lợi ích cho bên chuyển

* Nguyễn Quang Hồng, Tiến sĩ kinh tế, trưởng Đại học Kinh tế Quốc Dân

giao mà còn phục vụ lợi ích nhiều mặt, đặc biệt là lợi ích về CN và kinh tế cho bên tiếp nhận. Cụ thể là: i) Bên tiếp nhận tiết kiệm được thời gian và chi phí chuyển giao CN sẵn có từ bên ngoài vào (có thể đó là những máy móc, trang thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu, phụ tùng, bí quyết kỹ thuật, qui trình sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất, trình độ kỹ thuật và lao động của nước sở tại đảm bảo tính cạnh tranh cho hàng hoá được sản xuất ra và tối đa hoá lợi nhuận); ii) Tạo sức ép đổi mới CN đối với các DN trong nước (Sức ép này thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước tham gia tích cực hơn vào việc chuyển giao CN và đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu, triển khai của mình để hấp thụ tốt hơn công nghệ mới); iii) Thúc đẩy hoạt động quản lý CN ở các nước nhận đầu tư như trình độ lãnh đạo, mức độ tự chủ của cán bộ và tính định hướng tổ chức; iv) Giúp nâng cao trình độ, năng lực điều hành và quản lý DN của nước chủ nhà (Đi kèm với chuyển giao công nghệ phần cứng là việc chuyển giao những kinh nghiệm và kỹ năng quản lý, tạo điều kiện thuận lợi để nước sở tại có cơ hội tiếp cận, học hỏi và được trực tiếp đào tạo trong các doanh nghiệp FDI); v) Nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động (Do những đòi hỏi khách quan của công việc, những CN được chuyển giao là những CN mới, chưa được áp dụng tại nước sở tại, nên trình độ năng lực vận hành và quản lý đòi hỏi cao); vi) Cung cấp cho nước tiếp nhận một nguồn thông tin rất lớn (Điều

này được thể hiện ở chỗ các nhà đầu tư không chỉ mang theo máy móc, thiết bị hay dây chuyền CN mà đi liền với nó là các chỉ dẫn kỹ thuật, dữ liệu, các thông tin điều hành kỹ thuật và sản xuất).

Thực tế, tác động lan tỏa CN của DN FDI đối với các DN trong nước nói chung được thể hiện trên những khía cạnh chính sau:

- Tác động đến đổi mới, nâng cao năng lực CN của DN trong nước: Khi đánh giá về khu vực FDI nói chung và trình độ CN của các DN có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng, nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam vẫn chưa tối đa hóa được lợi ích mà khu vực này có thể mang lại. Căn cứ của đánh giá này là: diễn biến thất thường của dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam; tỷ lệ FDI thực hiện so với vốn đăng ký còn thấp; dự án FDI có quy mô nhỏ, công nghệ sử dụng chủ yếu hầu hết ở trình độ trung bình; sự tập trung FDI chỉ trong một số ngành, vùng... Chi phí cho nghiên cứu và triển khai (R&D) và đổi mới CN của khu vực FDI hàng năm còn hạn chế, chỉ chiếm từ 3 - 7% doanh thu, còn của các DN nội địa còn thấp hơn rất nhiều (Xem Bảng 1). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, trình độ CN sử dụng ở các DN trong nước hiện nay thấp. Có tới 40% doanh nghiệp đang sử dụng thiết bị, công nghệ được sản xuất cách đây 25 năm và 50% thiết bị được sản xuất 15 năm trước đây, chỉ có 10% doanh nghiệp được đánh giá là đang sử dụng công nghệ tiên tiến.

Bảng 1: Tỷ lệ chi cho R&D so với doanh thu.

ĐVT: % doanh thu

	Doanh nghiệp FDI			Doanh nghiệp trong nước		
	Giá trị (đ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (đ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (đ)	Cơ cấu (%)
Năm	2001	2002	2003	2001	2002	2003
Cơ khí - điện tử	9,0	8,4	5,6	0,98	0,9	0,8
Máy mặc - da giày	3,9	2,1	1,4	0,02	2,3	1,04
Chế biến thực phẩm	0,6	0,6	0,8	0,6	0,5	1,04
Tổng số	6,9	4,8	3,2	1,3	1,02	1,14

Nguồn: Điều tra doanh nghiệp của Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

- *Tác động nâng cao năng lực cạnh tranh của DN Việt Nam:* Bản thân sự hiện diện của DN FDI là một tác nhân thúc đẩy cạnh tranh đối với DN trong nước. Mặt khác, DN trong nước tiếp thu được CN và kỹ năng quản lý mới từ DN nước ngoài để cải thiện năng lực cạnh tranh của mình. Tuy nhiên, các DN trong nước vẫn chưa tận dụng được cơ hội để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình để thích nghi với môi trường cạnh tranh mới. Điều tra về năng lực xuất khẩu

và khả năng cạnh tranh của các DN sản xuất công nghiệp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện gần đây cho thấy: Chỉ có 23,8% DN có hàng xuất khẩu, 13,7% DN có triển vọng xuất khẩu, 62,5% DN hoàn toàn chưa có khả năng xuất khẩu. Như vậy, có thể nói năng lực của DN Việt Nam chưa được nâng cao đáng kể. So sánh trình độ CN của các DN nước ta với các nước (Xem Bảng 2 và Bảng 3) có thể thấy rõ điều đó.

Bảng 2: Xếp hạng các yếu tố liên quan đến công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam và một số nước trong khu vực.

TT	Chỉ tiêu	Trung Quốc	Thái Lan	Việt Nam
1	Đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ	52/104	8/104	79/104
2	Khả năng tiếp thu công nghệ của doanh nghiệp	34/104	26/104	38/104
3	Mức độ sử dụng bằng sáng chế nước ngoài của doanh nghiệp	59/104	11/93	89/104
4	Hợp tác giữa các trường đại học và viện nghiên cứu	22/104	31/104	82/104
5	Chỉ tiêu cho R&D của doanh nghiệp	26/93	43/104	71/104

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), 2004.

- *Tác động tới sự phát triển ngành CN phụ trợ ở Việt Nam:* Liên kết giữa DN trong nước và DN nước ngoài qua hợp đồng sản xuất phụ trợ có thể trở thành một kênh có sức mạnh trong việc phổ biến, lan tỏa tri thức và kỹ năng giữa các DN ở hai khu vực. Tuy nhiên, không phải lĩnh vực nào cũng có thể phát triển công nghiệp phụ trợ vì ngành công nghiệp này thường đòi hỏi vốn đầu tư lớn, khấu hao dài, sản phẩm sản xuất quy mô hàng loạt, thị trường tiêu thụ đủ lớn. Hơn thế nữa, để sản phẩm làm ra có giá cạnh tranh đòi hỏi trình độ chuyên môn hóa và hiệp tác hóa rất cao, yêu cầu công nghệ cao, liên kết sản xuất gần như khép kín, có sẵn địa chỉ sản xuất và tiêu thụ. Công nghiệp phụ trợ chỉ có thể phát triển khi có những ngành công nghiệp chính

phát triển. Trong điều kiện cụ thể hiện nay của Việt Nam, công nghiệp phụ trợ chỉ có thể phát triển có giới hạn ở một số ngành như sản xuất linh kiện, phụ liệu cho ngành chế tạo, dệt may - da giày, điện tử - viễn thông, hóa chất...
Trong hơn 10 năm qua, ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam đã đạt được một số thành tựu tích cực, nhưng nhìn chung đến nay vẫn chưa phát triển được như mong muốn. Theo số liệu thống kê, ở một số ngành hàng có phát triển công nghiệp phụ trợ thì tỷ lệ nội địa hóa cũng chỉ ở mức thấp. Chẳng hạn như: trong ngành điện tử, 80% linh kiện là nhập khẩu và 20% được các DN trong nước đáp ứng; đối với ngành dệt may - da giày, DN trong nước cũng chỉ đáp ứng được trên dưới 20%; ngành lắp ráp ô tô khoảng

3.5%. Thành công lớn nhất có thể kể đến là ngành lắp ráp xe máy. Theo số liệu của Bộ Công thương, hiện nay Việt Nam có 230 DN đang sản xuất linh kiện, phụ tùng và các

DN này cung cấp được khoảng 70% nhu cầu phụ tùng cho các DN lắp ráp xe máy, trong đó có tới 150 DN trong nước tham gia sản xuất, còn lại là DN FDI.

Bảng 3: Xếp hạng năng lực công nghệ của Việt Nam và một số nước trong khu vực.

TT	Chỉ tiêu	Trung Quốc	Thái Lan	Việt Nam
1	Chỉ số về xếp hạng công nghệ chung	62	43	92
2	Chỉ số về sáng tạo công nghệ	70	37	79
3	Chỉ số về công nghệ thông tin	62	55	86
4	Chỉ số về chuyển giao công nghệ	37	4	66

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), 2004.

Sẽ không thể tận dụng được vốn và CN nước ngoài để phát triển nền công nghiệp trong nước nếu như ngành công nghiệp phụ trợ cứ tiếp tục yếu kém như hiện nay. Đó là quan điểm chung của nhiều chuyên gia, các nhà kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài và đại diện lãnh đạo các DN có mặt tại buổi Hội thảo về nền công nghiệp phụ trợ và mối liên hệ giữa các DN do VCCI tổ chức ngày 30/8/2008. Ông Stuart Dean, chủ tịch Đông Á của Tập đoàn General Electrics (GE) đã nhận định “Thách thức lớn nhất trong mở rộng sản xuất ở Việt Nam là phải xem Việt Nam có chính sách phát triển ngành công nghiệp phụ trợ tốt hơn so với hiện nay hay không. Có thể những nhà cung cấp hiện nay đã phục vụ thị trường nội địa tốt, nhưng để trở thành nhà cung cấp cho những nhà sản xuất lớn, công nghệ cao mà sản phẩm chỉ để xuất khẩu như GE, thì họ cần phải đạt được đẳng cấp thế giới. Đẳng cấp thế giới không chỉ là giá cả, chất lượng mà còn cả môi trường”.

Thực trạng hiện nay là trình độ chuyên môn hóa và khả năng đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm trong sản xuất phụ trợ của đa phần DN Việt

Nam còn rất thấp. Trong khi đó, các chuyên gia nước ngoài cho rằng hầu hết các tập đoàn kinh tế và CN đa quốc gia đều sẵn sàng hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật CN để các DN tại Việt Nam xây dựng, phát triển thành nhà cung cấp linh kiện, phụ tùng và những dịch vụ phụ trợ khác. Tuy nhiên, sau các cuộc điều tra, người ta nhận thấy một thực trạng của các DN, phần lớn là DN vừa và nhỏ là khả năng đáp ứng về yêu cầu chất lượng không đạt yêu cầu. Các chuyên gia nước ngoài đã bộc bạch: “Điều rất đáng tiếc là có quá ít DN Việt Nam làm công nghiệp phụ trợ, nếu có thì chủ yếu tham gia khâu đóng gói, bao bì còn cung cấp những linh - phụ kiện hỗ trợ chủ yếu cho chúng tôi lại không có mấy”. Hiện tại trong nước, có đến gần 99% nhà cung cấp linh kiện phụ kiện phụ trợ cho các công ty lớn của nước ngoài trên thị trường Việt Nam đều là những DN có vốn đầu tư nước ngoài. Cũng như ngành điện tử, kinh nghiệm từ ngành công nghiệp ô tô cho thấy, đã có cả một chiến lược đến năm 2020 và Bộ Công thương đã vạch ra quy hoạch và bước đi khá chi tiết cho công nghiệp phụ trợ, song hiện đại đa số các dự án được cấp phép hoặc đang xin phép lại là

lắp ráp mà không phải là sản xuất linh kiện, phụ kiện.

Thực tế thời gian qua cho thấy, về phần mình, rất hiếm khi có các DN trong nước mạnh dạn đề nghị làm nhà cung cấp linh kiện phụ trợ cho các tập đoàn, công ty lớn. Nguyên nhân chủ yếu có thể là vì sự chênh lệch trình độ CN so với yêu cầu còn lớn, mặt khác, đối với nhiều DN trong nước việc chấp hành cam kết, giữ chữ tín và thương hiệu quá kém. Một doanh nhân Nhật Bản đã dẫn ví dụ: “Thời gian trước chúng tôi có liên kết với một DN Việt Nam để làm linh kiện. Lần đầu tiên sản phẩm của công ty này rất tốt, đáp ứng được đầy đủ yêu cầu chất lượng. Nhưng đến lần thứ hai màu sắc của sản phẩm đã bắt đầu khác đi. Cứ như thế đến lần thứ sáu, màu sắc của sản phẩm đã khác hẳn so với lần thứ nhất”. Nếu như thế, khó ai có thể mạo hiểm để tin tưởng và hỗ trợ DN phát triển thành một nhà cung cấp chuyên nghiệp.

Tầm quan trọng của công nghiệp phụ trợ là không thể phủ nhận. Xương sống của nền công nghiệp chính là các ngành điện tử - tin học - viễn thông, ô tô - xe máy, chế tạo máy..., Tất cả những ngành này đều phải có đầy đủ các nhà cung cấp linh kiện phụ trợ vì không DN nào có thể tự mình làm được hết mọi công đoạn, còn nếu có làm thì hiệu quả cũng sẽ rất thấp.

Mặt khác, đầu tư cho CN của công nghiệp phụ trợ lại mang tính rủi ro rất cao, bởi phải đầu tư lớn trong khi tuổi đời của sản phẩm ngắn, phải chạy đua về mẫu mã, về thời gian cung ứng. Vì vậy, hiện nay có tâm lý chung là nhiều DN không dám nghĩ đến việc đổi mới CN, hay chuyên môn hóa khi phải chi nguồn đầu tư tài chính lớn.

Để xây dựng và phát triển công nghiệp phụ trợ, ngoài nỗ lực của Nhà nước, vấn đề mấu chốt hiện nay là DN Việt Nam phải tự “cải cách” và nâng cao năng lực của chính mình. Với một thực trạng còn nhiều hạn chế và bất cập trong công nghiệp, phát triển công nghiệp phụ trợ sẽ là nền tảng căn bản cho sự phát triển công nghiệp đất nước trong

quá trình hội nhập. Cụ thể, tác giả đề xuất các giải pháp sau:

- *Một là*, phát triển công nghiệp thượng nguồn để tạo nguồn cung cấp vật tư sản xuất linh kiện trước hết cho các ngành cơ khí, điện tử. Trong các sản phẩm có hàm lượng công nghệ trung bình, giá trị vật tư, nguyên liệu thường chiếm tỷ lệ không nhỏ trong cơ cấu giá thành, có thể lên đến 60% và cao hơn nữa, tùy theo từng chủng loại chi tiết của các ngành sản xuất đặc biệt là cơ khí, điện tử. Nước ta có dự trữ lớn về nhiều loại khoáng sản như sắt, bô xít, ti tan, đồng, cát trắng làm thủy tinh, dầu mỏ để chế tạo chất dẻo, cao su thiên nhiên,... Đó là những nguồn tài nguyên có giá trị để sản xuất ra nhiều linh kiện quan trọng cho các ngành công nghiệp. Để mang lại hiệu quả kinh tế và cạnh tranh trên thị trường cho ngành công nghệ phụ trợ cần phải phát triển các ngành sản xuất vật liệu tinh chế để cung cấp ngay cho các nhà sản xuất phụ trợ trong nước dưới dạng bán thành phẩm có thể dùng để sản xuất linh kiện, phụ kiện, tránh xuất nguyên vật liệu dưới dạng thô hoặc dạng sơ chế để rồi lại nhập nguyên liệu tinh chế hay bán thành phẩm về sản xuất.

- *Hai là*, đầu tư hiện đại hóa mạng lưới hiện có các DN sản xuất linh kiện cơ khí, điện tử làm tiền đề cho xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ hiện đại tiến tới xuất khẩu phụ tùng theo hợp đồng với các DN và công ty đa quốc gia. Trong những năm cuối thế kỷ XX, khi thành lập các công ty liên doanh sản xuất ô tô, thiết bị điện, điện tử chúng ta hầu như chưa có kinh nghiệm và cả kiến thức về công nghiệp sản xuất của các ngành này. Phần đóng góp vốn của phía trong nước chủ yếu là đất đai và nhà xưởng sẵn có với tỷ lệ trên dưới 30%. Lực lượng lao động và quản lý trong nước hầu như phải qua đào tạo lại nên sự chủ động trong tham gia điều hành công ty liên doanh bị hạn chế rất nhiều. Cần ưu tiên các DN sản xuất linh kiện sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước. Về cơ cấu ngành công nghiệp phụ trợ, nên thành lập các DN theo hướng chuỗi công nghiệp có giá trị gia tăng (sản phẩm của DN trước làm

đầu vào cho sản xuất của DN sau) để tăng tỷ lệ nội địa hoá của các sản phẩm do DN FDI sản xuất. Địa điểm xây dựng các DN này nên tập trung thành khu công nghiệp để có sự hợp tác và hỗ trợ chặt chẽ, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu, triển khai.

- Ba là, chủ động tìm kiếm và lựa chọn đối tác chuyển giao CN và hợp tác kinh doanh sản xuất linh kiện, phụ kiện. Các DN công nghiệp phụ trợ trong nước không được trông chờ các đối tác họ tìm đến với mình mà phải chủ động tìm kiếm đối tác, thông qua các kênh thông tin khác nhau. Những kinh nghiệm thu được trong ngành dệt may, điện tử cơ khí... cũng là những bài học quý giá trong hợp tác gia công sản phẩm xuất khẩu với những thương hiệu được các thị trường ở cả các nước phát triển chấp nhận. Sau hơn 10 năm, trong các ngành công nghiệp của nước ta thì ngành công nghiệp dệt may đã khá trưởng thành và trở thành một ngành kinh tế xuất khẩu quan trọng và bắt đầu có thương hiệu riêng của Việt Nam. Nếu như lĩnh vực sản xuất bông, sợi, phụ liệu ngành may và dệt phát triển hơn thì giá trị gia tăng của ngành hàng này còn lớn hơn nhiều. Ngành cơ khí, điện tử, chế biến thủy sản cũng đã có những tiến bộ, nhưng chưa tìm được con đường phát triển độc lập, vẫn còn phụ thuộc nhiều vào phía nước ngoài. Chính vì vậy mà tỷ lệ nội địa hoá trong những ngành này có tăng nhưng còn rất thấp.

- Bốn là, nghiên cứu lựa chọn một số loại linh kiện có lợi thế cạnh tranh để tập trung đầu tư nâng cao năng lực CN sản xuất như ngành công nghiệp mũi nhọn từ đó phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu cho công nghiệp phụ trợ. Bước đầu, có thể kết hợp với nhà sản xuất đã có thương hiệu uy tín để cùng phát triển được mặt hàng có lợi thế cạnh tranh. Việc phối hợp khảo sát thị trường trong và ngoài nước để tìm ra những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh là một nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ trong nước và cần được đầu tư, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Nhà nước.

Tóm lại, để có được ngành công nghiệp phụ trợ phát triển làm nền tảng cho hấp thụ lan tỏa công nghệ qua FDI cần phải trải qua một lộ trình đi từ công nghiệp thượng nguồn, công nghiệp phụ trợ tiến dần lên công nghiệp hoàn chỉnh của từng ngành công nghiệp trong nước. Bên cạnh những biện pháp mang tính khuyến khích, ưu đãi, thì yếu tố rất quan trọng để thu hút nhiều hơn nữa các nhà đầu tư lớn chính là sự phát triển mạnh, hiệu quả và bền vững ngành công nghiệp phụ trợ trong nước. Lộ trình này sẽ khả thi khi toàn bộ nền kinh tế tăng trưởng nhanh, khi được sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ của cộng đồng DN trong và ngoài nước./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Bích Đạt, Đề tài khoa học cấp nhà nước KX01.05 “Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: vai trò và vị trí của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”.
- Nguyễn Danh Sơn (1999), *Quan hệ giữa phát triển khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học - Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Thắng (2008), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Trọng Xuân, Nguyễn Xuân Thắng (2001), “FDI trong ngành công nghệ điện tử Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển*, Hà Nội, 3/2001.
- Trần Ngọc Ca (2001), *Năng lực công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam và vai trò của các công ty nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội, 2001.
- Bee-Yan Aw (2002), “Accumulating technology and location spillovers among firms in Taiwan's electronics industry”, *The Journal of Development Studies*, Vol.39, London Oct 2002.
- Jozse P. Damijan, Mark Knell, Boris Majcen and Matija Rojec (Feb 2003), *Technology transfer through FDI in top 10 transition countries, How important are direct effect Horizontal and Vertical Spillovers?* The William Davidson Institute.